

Số: *12* /2019/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày *05* tháng *11* năm 2019

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông, Nghị định số 81/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông và Nghị định số 49/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông và Điều 30 của Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn Hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bưu điện Trung ương,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư sửa đổi, bổ

sung một số điều của Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước là hệ thống thông tin quan trọng quốc gia, được sử dụng trong hoạt động truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước (sau đây gọi là mạng truyền số liệu chuyên dùng và viết tắt là “mạng TSLCD”). Mạng TSLCD bao gồm mạng TSLCD cấp I và mạng TSLCD cấp II.”

b) Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Mạng TSLCD cấp I do Cục Bưu điện Trung ương trực tiếp quản lý, vận hành và khai thác, kết nối đến:

a) Văn phòng Trung ương Đảng, các ban Đảng Trung ương, các Đảng bộ trực thuộc Trung ương, các cơ quan trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương;

b) Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các cơ quan của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

c) Văn phòng Chủ tịch nước;

d) Văn phòng Chính phủ, các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ;

đ) Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tại Trung ương;

e) Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước;

g) Tỉnh ủy, thành ủy; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.”

c) Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Mạng TSLCD cấp II kết nối đến:

a) Các ban thuộc tỉnh ủy, thành ủy; Huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy; Đảng ủy xã, phường, thị trấn;

b) Hội đồng nhân dân cấp huyện và cấp xã;

c) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã;

d) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và cấp huyện;

đ) Tòa án nhân dân cấp cao; tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương;

e) Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, viện kiểm sát nhân dân cấp huyện;

g) Kiểm toán nhà nước khu vực;

h) Các đối tượng khác theo yêu cầu của các cơ quan Đảng và Nhà nước.”

d) Sửa đổi khoản 5 như sau:

“5. Dịch vụ truy nhập Internet chuyên dùng là dịch vụ Internet kết nối qua cổng Internet của mạng TSLCD để phục vụ các ứng dụng chỉ đạo, quản lý, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước cấp Trung ương trên mạng TSLCD.”

đ) Bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Cổng kết nối vào mạng TSLCD là thiết bị mạng, thiết bị bảo mật hoặc thiết bị khác có chức năng tương đương để cung cấp giao diện kết nối giữa hệ thống mạng của cơ quan, tổ chức với mạng TSLCD.”

2. Sửa đổi Điều 7 như sau:

“1. Doanh nghiệp viễn thông phải bảo đảm kết nối giữa các điểm thuộc mạng TSLCD cấp II căn cứ theo nhu cầu sử dụng của các cơ quan Đảng, Nhà nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và bảo đảm thực hiện các yêu cầu về kết nối theo yêu cầu của Cục Bưu điện Trung ương.

2. Để bảo đảm kết nối giữa mạng TSLCD cấp I và cấp II, doanh nghiệp viễn thông phải thiết lập kết nối trung kế sang mạng TSLCD cấp I.

3. Phương thức kết nối:

a) Các điểm kết nối mạng TSLCD cấp II được định tuyến trực tiếp về thiết bị tập trung của mạng TSLCD cấp I hoặc định tuyến về thiết bị tập trung mạng diện rộng của địa phương;

b) Các điểm kết nối mạng TSLCD cấp II kết nối đến mạng TSLCD cấp I phải được định tuyến qua thiết bị tập trung của mạng TSLCD cấp I.

4. Tài nguyên địa chỉ IP và thông số định tuyến: bảo đảm thống nhất tài nguyên địa chỉ IP và thông số định tuyến theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Bưu điện Trung ương) cho mạng TSLCD.”

3. Sửa đổi khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Phương thức và giao diện kết nối: kết nối hai đường cáp quang trực tiếp theo hai hướng khác nhau giữa mạng TSLCD cấp I và mạng TSLCD cấp II đáp ứng các yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin quy định tại khoản 2 và 3 Điều 12 của Thông tư này.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Doanh nghiệp viễn thông được cung cấp dịch vụ trên mạng TSLCD cấp II phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có mạng lưới tại đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Có đủ năng lực hạ tầng mạng kết nối đến các đơn vị thuộc mạng TSLCD cấp II;

c) Có đội ngũ nhân sự bảo đảm giám sát, vận hành và hỗ trợ xử lý sự cố trực tiếp tại các điểm kết nối, có đường kết nối đến mạng TSLCD cấp I;

d) Được cơ quan Đảng, Nhà nước tại địa phương lựa chọn là đơn vị cung cấp dịch vụ.”

b) Bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Doanh nghiệp viễn thông phải sử dụng thiết bị định tuyến riêng cho việc kết nối đến mạng TSLCD cấp I và thiết bị tập trung kết nối các đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II.”

5. Sửa đổi Điều 12 như sau:

“1. Mạng TSLCD cấp I phải đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 9 Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và các yêu cầu cơ bản cho hệ thống thông tin cấp độ 5 theo tiêu chuẩn TCVN 11930:2017.

2. Mạng TSLCD cấp II phải đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư

số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và các yêu cầu cơ bản cho hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên theo tiêu chuẩn TCVN 11930:2017.

3. Quy định về Hệ thống thông tin khi kết nối vào Mạng TSLCD:

a) Đơn vị sử dụng phải tách riêng phân hệ kết nối mạng TSLCD với phân hệ kết nối mạng Internet;

b) Hệ thống thông tin khi kết nối vào mạng TSLCD phải đáp ứng các yêu cầu an toàn theo quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Cổng kết nối của hệ thống phải đáp ứng các yêu cầu an toàn tại Phụ lục 1 Thông tư này;

c) Trung tâm dữ liệu khi kết nối vào mạng TSLCD phải đáp ứng các yêu cầu an toàn theo quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và các yêu cầu an toàn tại Phụ lục 2 Thông tư này.”

6. Sửa đổi Điều 15 như sau:

“1. Trách nhiệm của Cục Viễn thông: phối hợp thẩm định tài nguyên địa chỉ IP, thông số định tuyến của mạng TSLCD, các giải pháp, phương án kỹ thuật, các kế hoạch phát triển mạng TSLCD do doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đề xuất.

2. Trách nhiệm của Cục An toàn Thông tin:

a) Phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương trong việc xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các văn bản quy định, hướng dẫn về bảo đảm an toàn thông tin và triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin trên mạng TSLCD;

b) Phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương đánh giá, cho ý kiến về phương án bảo đảm an toàn thông tin của đơn vị sử dụng và doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng mạng TSLCD cấp II khi kết nối với mạng TSLCD cấp I;

c) Phối hợp, hỗ trợ các đơn vị sử dụng và đơn vị quản lý, vận hành mạng TSLCD trong việc điều phối, xử lý, ứng cứu sự cố mất an toàn thông tin;

d) Phối hợp triển khai các giải pháp giám sát, cảnh báo đối với hệ thống thông tin của đơn vị sử dụng khi kết nối vào mạng TSLCD chống nguy cơ xâm nhập trái phép qua Internet.

3. Trách nhiệm của Thanh tra Bộ: chủ trì công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định, quy trình về quản lý, vận hành, kết nối, khai thác, sử dụng và bảo đảm an toàn, an ninh trên mạng TSLCD.

4. Trách nhiệm của Vụ Khoa học và Công nghệ: chủ trì, phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương trình Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành các tiêu